

Số: 08/2023/QĐST-DS

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 37/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông Võ Thanh Th, sinh năm: 1958; Nơi cư trú: Thôn V2, xã CPT, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Thanh Th là bà Nguyễn Thị Minh Tr, sinh năm: 1985; Nơi cư trú: Số 18 đường N, tổ dân phố P, phường CP, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

* *Bị đơn*: Ông Võ Thanh Tr, sinh năm: 1961; Nơi cư trú: Tổ dân phố TP, phường CT, thành phố C2, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Võ Thị Kim Th1, nơi cư trú: Tổ dân phố TP, phường CT, thành phố C2, tỉnh Khánh Hòa (*Theo hợp đồng ủy quyền được chứng thực tại UBND phường CT ngày 14/7/2023, số chứng thực 23, quyển số 01/2023-SCT/HĐ,GD*).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Võ Thị Kim Th1, sinh năm: 1969

2. Bà Võ Thị Thanh H, sinh năm: 1971

3. Ông Võ Thanh L, sinh năm: 1974

4. Bà Võ Thị Thanh Kh, sinh năm: 1978

Cùng nơi cư trú: Tổ dân phố TP, phường CT, thành phố C2, tỉnh Khánh Hòa.

Bà H, ông L và bà Kh đều ủy quyền cho bà Võ Thị Kim Th1 (*Theo hợp đồng ủy quyền được chứng thực tại UBND phường CT ngày 14/7/2023, số chứng thực 23, quyển số 01/2023-SCT/HĐ,GD*).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Xác định di sản thừa kế do ông Võ T (chết năm:2009) và bà Lê Thị H1 (chết năm 2011) để lại gồm các tài sản sau: Các thửa số 09 – Tờ bản đồ số 20 nay được tách thành thửa số 163 – Tờ bản đồ số 20 diện tích 783.9m² và thửa 164 – Tờ bản đồ số 20 diện tích 1377m²; thửa số 89 – Tờ bản đồ số 20 diện tích 2076m²; thửa 55 – Tờ bản đồ số 20 diện tích 561.6m² đều tọa lạc tại phường CT, TP C2.

2.2 Các di sản thừa kế tại mục 1 được chia cho các con chung của ông T và bà H1 là ông Võ Thanh Tr, bà Võ Thị Kim Th1, bà Võ Thị Thanh H, ông Võ Thanh L, bà Võ Thị Thanh Kh và con riêng của bà H1 là ông Võ Thanh Th.

2.3 Phương án chia thừa kế như sau:

2.3.1 Về hiện vật: Các ông bà Võ Thị Thanh Kh, Võ Thanh L và Võ Thanh Tr đã được nhận hiện vật theo biên bản hợp gia đình 15/03/2003 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên các đương sự thống nhất giữ nguyên phân hiện vật đã giao như sau:

+ Giao cho bà Võ Thị Thanh Kh được toàn quyền quản lý, sử dụng đất đối với thửa đất số 163, tờ bản đồ số 20 diện tích 783.9m² tọa lạc tại tổ dân phố TP, phường CT, thành phố C2, tỉnh Khánh Hòa theo GCNQSDĐ cấp cho bà số phát hành BN 458377, số vào sổ cấp GCN:CH00724 ngày 11/7/2013 cấp cho bà Võ Thị Thanh Kh.

+ Giao cho ông Võ Thanh L được toàn quyền quản lý, sử dụng đất đối với 02 thửa đất bao gồm: thửa đất số 164, tờ bản đồ số 20 diện tích 1377m² tọa lạc tại tổ dân phố TP, phường CT, thành phố C2, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BN 445637, số vào sổ cấp GCN:CH00665 ngày 15/4/2013 cho ông Võ Thanh L và thửa đất số 55, tờ bản đồ số 20 diện tích 561.6m² tọa lạc tại tổ dân phố TP, phường CT, thành phố C2, tỉnh Khánh Hòa theo giấy GCNQSDĐ cấp cho ông Võ Thanh L số phát hành BN 445454, cấp ngày 25/3/2013.

+ Giao cho ông Võ Thanh Tr được toàn quyền quản lý, sử dụng đất đối với thửa đất số 89, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại tổ dân phố Thuận Phát, phường TP, phường CT, thành phố C2, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận QSDĐ số phát hành BN 445453, số vào sổ cấp GCN:CH00651 ngày 25/3/2013 cấp cho ông Võ Thanh Tr.

+ Các ông bà Võ Thị Thanh Kh, Võ Thanh L và Võ Thanh Tr có đầy đủ các quyền của người sử dụng đất đối với các hiện vật đã nhận và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

2.3.2 Về nghĩa vụ thanh toán:

- Các ông bà Võ Thị Thanh Kh, Võ Thanh L và Võ Thanh Tr phải thanh toán cho ông Võ Thanh Th giá trị kỷ phần thừa kế bằng tiền là 550.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm năm mươi triệu đồng).

- Bà Võ Thị Kim Th1 và bà Võ Thị Thanh H không yêu cầu các ông bà Võ Thị Thanh Kh, Võ Thanh L và Võ Thanh Tr phải thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế bằng tiền.

2.3.3. Về chi phí tố tụng: Ông Võ Thanh Th đã tạm ứng và không yêu cầu giải quyết.

2.3.4. Về án phí:

- Ông Võ Thanh Th và ông Võ Thanh Tr thuộc trường hợp “người cao tuổi” nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Hoàn lại cho ông Võ Thanh Th số tiền tạm ứng án phí là: 4.300.000 đồng (Bằng chữ: Bốn triệu, ba trăm nghìn đồng) theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Cnhư sau:

+ Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AB/2010/0001833 ngày 23/4/2015, số tiền 2.000.000 đồng

+ Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AB/2010/0001261 ngày 12/5/2014 (tên trên biên lai: Võ Thành Th), số tiền 2.000.000 đồng

+ Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/20019/0000772 ngày 21/7/2020, số tiền 300.000 đồng.

- Các ông bà Võ Thị Thanh Kh và Võ Thanh L mỗi người phải chịu án phí không giá ngạch đối với việc công nhận các thỏa thuận chia thừa kế bằng hiện vật đã được thực hiện xong và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 300.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm ngàn đồng)/01 người.

3. Quy định:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Chi cục THADS TP. C;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hiếu